

Câu 10. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI NĂM 2000 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: %)

Loại cây	Năm	2000	2019
Lúa gạo		29,1	24,6
Lúa mì		28,4	24,9
Ngô		28,8	37,3
Cây lương thực khác		13,7	13,2
Tổng số		100,0	100,0

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng lương thực của thế giới, năm 2000 và năm 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Kết hợp. C. Miền. D. Đường.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây thể hiện vai trò của công nghiệp đối với đời sống xã hội?

- A. Cung cấp các tư liệu cho sản xuất. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Nâng cao chất lượng cuộc sống. D. Khai thác hiệu quả tài nguyên.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp khai thác dầu khí?

- A. Ít gây ô nhiễm môi trường. B. Giá trị sử dụng cao, đa dạng.
C. Là nguồn thu ngoại tệ lớn. D. Phụ thuộc vào tiến bộ kỹ thuật.

Câu 13. Cho bảng số liệu:

TRỮ LƯỢNG THAN CÁC CHÂU LỤC TRÊN THẾ GIỚI (Đơn vị: tỉ tấn)

Châu lục	Trữ lượng
Châu Á	329,9
Châu Âu	297,3
Châu Mỹ	271,0
Châu Đại Dương	156,7
Châu Phi	14,8

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu, để thể hiện trữ lượng than của các châu lục trên thế giới, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Tròn. C. Kết hợp. D. Cột.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU TRỊ GIÁ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA THẾ GIỚI PHÂN THEO CÁC CHÂU LỤC, NĂM 2019 (Đơn vị: %)

Châu lục	Trị giá nhập khẩu
Châu Âu	39,9
Châu Mỹ	22,5
Châu Á	33,0
Châu Phi	3,1
Châu Đại Dương	1,4
Tổng	100,0

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu trị giá nhập khẩu hàng hóa của thế giới phân theo châu lục, năm 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Miền. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 15. Loại vật nuôi nào sau đây được phân bố rộng rãi nhất?

- A. Trâu. B. Dê. C. Gia cầm. D. Bò.

Câu 16. Điều **không** phải là tiêu chí để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

- A. Khối lượng vận chuyển.
B. Khối lượng luân chuyển.
C. Sự hiện đại của các loại phương tiện.
D. Cự li vận chuyển trung bình.

Câu 17. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng như thế nào đến giao thông vận tải?

- A. Quyết định sự phát triển của giao thông vận tải.
B. Là khách hàng chính của ngành giao thông vận tải.
C. Ảnh hưởng đến sự hoạt động của các phương tiện.
D. Cơ sở để đầu tư, hiện đại hóa giao thông vận tải.

Câu 18. Nhân tố nào sau đây có tác động quyết định đến quy mô ngành dịch vụ?

- A. Đặc điểm dân số. B. Trình độ phát triển kinh tế.
C. Văn hóa, lịch sử. D. Điều kiện tự nhiên.

Câu 19. Sản phẩm của ngành công nghiệp nào sau đây đáp ứng nhu cầu về ăn uống, của con người

- A. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
B. công nghiệp thực phẩm.
C. công nghiệp điện tử - tin học.
D. công nghiệp điện lực.

Câu 20. Sản phẩm của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chủ yếu là

- A. chỉ phục vụ cho xuất khẩu, thu ngoại tệ.
B. dùng cho các ngành công nghiệp khác.
C. đáp ứng nhu cầu hàng ngày về ăn uống.
D. phục vụ cho các nhu cầu của nhân dân.

Câu 21. Tương quan tỉ lệ giữa các bộ phận lao động trong tổng số lao động xã hội là biểu hiện của cơ cấu dân số theo

- A. lao động. B. tuổi. C. văn hóa. D. giới.

Câu 22. Bộ phận nào sau đây thuộc cơ cấu kinh tế theo ngành?

- A. Công nghiệp và xây dựng. B. Khu kinh tế.
C. Khu vực kinh tế trong nước. D. Vùng kinh tế.

Câu 23. Nguồn lực nào sau đây có vai trò quan trọng nhất trong việc giúp tăng năng suất lao động?

- A. Vị trí địa lí. B. Thị trường.
C. Nguồn vốn đầu tư. D. Khoa học - công nghệ.

Câu 24. Đối tượng của giao thông vận tải là

- A. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.
B. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.
C. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.
D. sự chuyên chở người, hàng hóa từ nơi này đến nơi khác.

Câu 25. Nhân tố tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng trực tiếp nhất tới năng suất và sự phân bố cây trồng?

- A. Dân cư và thị trường tiêu thụ. B. Nguồn nước.
C. Địa hình. D. Tính chất và độ phì của đất.

Câu 26. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

- A. Khoa học - công nghệ.
C. Địa hình, khí hậu.

- B. Vị trí địa lí.
D. Đặc điểm dân cư.

Câu 27. Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản?

- A. Đối tượng sản xuất là đất trồng.
C. Ít có mối liên hệ với ngành khác.

- B. Ít phụ thuộc vào tự nhiên.
D. Phân bố tương đối rộng rãi.

Câu 28. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN PHÂN THEO CHÂU LỤC, NĂM 2019 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2019
Châu Á	2236,9
Châu Âu	333,6
Châu Mỹ	496,3
Châu Phi	403,9
Châu Đại Dương	40,6

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của thế giới phân theo châu lục, năm 2019?

- A. Châu Đại Dương lớn nhất.
C. Châu Phi lớn hơn châu Mỹ.

- B. Châu Á nhỏ hơn châu Âu.
D. Châu Âu nhỏ hơn châu Phi.

II. PHÂN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm): Cho bảng số liệu:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THAN VÀ ĐIỆN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 – 2020
(Đơn vị: %)

Năm	2015	2018	2019	2020
Than	100	102	113	116
Điện	100	133	145	150

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, nhà xuất bản thống kê, 2021)

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện nước ta giai đoạn 2015 – 2020.

b. Nhận xét.

Câu 2 (1,0 điểm): Tại sao ngành công nghiệp thực phẩm phát triển mạnh ở nước ta?

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 10
NĂM HỌC 2023 – 2024.

I. TRẮC NGHIỆM

Câu\Mã đề	101	102	103	104	105	106	107	108
1	A	A	A	D	D	C	B	D
2	D	A	C	A	C	D	A	B
3	A	B	A	B	C	D	C	B
4	D	D	A	D	B	A	B	B
5	D	A	D	C	C	B	B	B
6	B	A	D	A	C	C	A	C
7	A	A	B	A	C	A	D	D
8	C	C	C	A	C	C	A	B
9	C	C	C	D	B	B	C	B
10	A	B	D	A	C	B	D	A
11	C	A	B	D	A	D	B	A
12	A	B	C	B	C	C	C	D
13	D	C	B	C	C	B	B	B
14	C	A	B	A	C	B	B	C
15	C	A	D	B	B	B	A	D
16	C	C	D	B	B	C	C	C
17	C	B	B	A	D	B	A	C
18	B	C	D	D	D	B	A	A
19	B	B	D	C	A	B	D	D
20	D	B	C	A	A	D	B	D
21	A	B	C	C	D	C	C	D
22	A	D	A	B	C	B	A	C
23	D	B	C	B	B	D	D	A
24	A	A	C	A	A	A	A	D
25	D	C	A	A	D	D	C	A
26	C	C	A	B	B	B	B	D
27	D	A	D	A	A	C	A	D
28	D	B	D	A	C	C	C	C

II. TỰ LUẬN

Mã đề 101, 103, 105, 107

CÂU	NỘI DUNG CẦN ĐẠT	ĐIỂM
1	<p>a. Vẽ biểu đồ Yêu cầu: Vẽ đúng biểu đồ đường, chính xác, đẹp, đầy đủ các chi tiết; Tên biểu đồ, số liệu, đơn vị...(nếu vẽ dạng biểu đồ khác không cho điểm).</p> <p>b. Nhận xét Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, điện nước ta giai đoạn 2015 – 2020 đều tăng: - Sản lượng than tăng: 16% - Sản lượng điện tăng: 50% ⇒ Sản lượng điện tăng nhanh hơn sản lượng than do những năm gần đây nhu cầu sử dụng điện để sản xuất và tiêu dùng lớn.</p>	1,5 điểm 0,5 điểm
2	<p>Ngành công nghiệp thực phẩm phát triển mạnh ở nước ta vì:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng- Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ- Thị trường tiêu thụ rộng lớn- Phù hợp với điều kiện đất nước: trình độ khoa học – kĩ thuật chưa cao, vốn ít...	1,0 điểm (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Mã đề 102, 104, 106, 108

CÂU	NỘI DUNG CẦN ĐẠT	ĐIỂM
1	<p>a. Vẽ biểu đồ Yêu cầu: Vẽ đúng biểu đồ đường, chính xác, đẹp, đầy đủ các chi tiết; Tên biểu đồ, số liệu, đơn vị...(nếu vẽ dạng biểu đồ khác không cho điểm).</p> <p>b. Nhận xét Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô, điện nước ta giai đoạn 2015 – 2020 có sự thay đổi: - Sản lượng dầu thô giảm: 39% - Sản lượng điện tăng: 50% ⇒ Sản lượng điện tăng là do những năm gần đây nhu cầu sử dụng điện để sản xuất và tiêu dùng lớn.</p>	1,5 điểm 0,5 điểm
2	<p>Ngành công nghiệp này phát triển mạnh ở nước ta, vì:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lực lượng lao động dồi dào, giá rẻ.+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn.+ Nguyên liệu phong phú và ổn định.+ Phù hợp với điều kiện đất nước: trình độ khoa học – kĩ thuật chưa cao, vốn ít...	1,0 điểm (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

